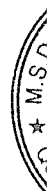


**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ – XĂNG DẦU
(COMECO)**

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 35

030F
TRÁC
DỊCH
TÀI C
VÀ
N.T.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát

Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 94/2000/QĐ-TTG ngày 09/08/2000 của Thủ Tướng Chính Phủ. Giấy đăng ký kinh doanh số 4103000236 ngày 13/12/2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300450673 thay đổi lần thứ 18 ngày 25/03/2015.

Hoạt động của Công ty là: Xuất nhập khẩu: Xăng, dầu, nhớt, mỡ, gas. Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ. Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhờn, mỡ bôi trơn và các sản phẩm nhiên liệu khác. Môi giới bất động sản, kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi. Dịch vụ cung ứng tàu biển, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Bán lẻ phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mua bán thiết bị, dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổn áp, máy phát, dây điện, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, aptômát), vật liệu xây dựng, thiết bị máy ngành công nghiệp – khai khoáng – lâm nghiệp và xây dựng, thiết bị vệ sinh. Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh. Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. Bán buôn phân bón, hóa chất. Đại lý mua bán hàng hóa, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán), dịch vụ đại lý bưu chính viễn thông (trừ đại lý truy cập internet). Vận chuyển nhiên liệu, nhớt, mỡ bằng ô tô. Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở). Quảng cáo thương mại. Cho thuê văn phòng. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Vận tải hành khách đường thủy nội địa. Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự (không hoạt động tại trụ sở). Xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, tư vấn xây dựng. Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống). Sửa chữa, tân trang phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, dịch vụ rửa xe. Bán mô tô, xe gắn máy. Mua bán vải, hàng may mặc, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động, giày dép. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da, giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Kinh doanh bãi đỗ xe. Trồng lúa. Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác. Trồng thuốc lá, thuốc Lào. Trồng cây lấy sợi. Trồng cây có hạt chứa dầu. Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Trồng cây ăn quả. Trồng cây lấy củ có chất bột. Trồng cây mía. Trồng cây hàng năm khác. Trồng cây lấy quả chứa dầu. Trồng cây điều. Trồng cây hồ tiêu. Trồng cây lâu năm khác.

Trụ sở chính của Công ty tại số 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Bà Trương Đức Hạnh	Chủ tịch
Ông Trần Minh Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Liên	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Ủy viên
Ông Phạm Văn Thoại	Ủy viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Tấn Thương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Chơn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Khoa	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Lê Văn Nghĩa	Trưởng ban
Bà Trần Thị Phương Khanh	Thành viên
Bà Nguyễn Cát Phương Yên	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

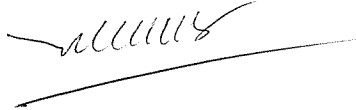
Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

TP.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Thay mặt Hội đồng quản trị
Chủ tịch



TRƯƠNG ĐỨC HẠNH

TP.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



ÔNG LÊ TẤN THƯƠNG

U BAN
VĂN
TOÁN
ĐÁN
T
CHỈ



Số : 73/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO), được lập ngày 20/02/2017, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2017

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thị Lan

Chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:
0167-2013-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Xuân Giang

Chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:
2784-2014-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		256.165.799.112	176.999.543.157
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	26.488.726.624	77.339.052.158
1. Tiền	111		26.488.726.624	77.339.052.158
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	14.827.071.091	11.637.349.600
1. Chứng khoán kinh doanh	121		15.793.410.000	15.793.410.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(966.338.909)	(4.156.060.400)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.667.887.873	12.309.661.478
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	52.123.635.503	50.583.115.378
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	17.885.100.000	3.300.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.538.098.370	602.192.100
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(38.878.946.000)	(38.878.946.000)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	168.098.734.381	70.885.725.114
1. Hàng tồn kho	141		168.098.734.381	70.885.725.114
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.083.379.143	4.827.754.807
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	55.677.794	651.116.152
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.655.489.938	4.176.638.655
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	372.211.411	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		273.417.609.963	272.381.294.138
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		590.000.000	590.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	590.000.000	590.000.000
II. Tài sản cố định	220		196.167.070.741	194.888.242.386
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	116.913.882.316	113.932.082.045
- Nguyên giá	222		178.525.797.642	171.181.175.783
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(61.611.915.326)	(57.249.093.738)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	79.253.188.425	80.956.160.341
- Nguyên giá	228		88.204.845.334	88.204.845.334
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.951.656.909)	(7.248.684.993)

3305
TRÁCH
DỊCH
ÀI C
VÀ
V.7.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		63.624.634.190	62.182.835.734
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	63.624.634.190	62.182.835.734
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	12.167.435.358	13.747.203.845
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		10.000.000.000	10.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		14.365.774.000	14.365.774.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(12.198.338.642)	(10.618.570.155)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		868.469.674	973.012.173
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	868.469.674	973.012.173
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		529.583.409.075	449.380.837.295

38
JNG'
HIEM
VU T
NH I
IEM
VM V
P. H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		104.245.592.853	53.647.796.003
I. Nợ ngắn hạn	310		96.598.863.402	52.295.370.998
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	3.265.547.633	3.082.192.445
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.140.518.616	4.832.206.781
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	10.486.420.773	17.991.411.095
4. Phải trả người lao động	314		18.596.052.765	16.678.655.278
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	210.165.900	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	16.234.135.828	8.314.365.591
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	42.500.000.000	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.166.021.887	1.396.539.808
II. Nợ dài hạn	330		7.646.729.451	1.352.425.005
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	1.352.425.005	1.352.425.005
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.17	6.294.304.446	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		425.337.816.222	395.733.041.292
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	425.337.816.222	395.733.041.292
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		141.206.280.000	141.206.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		141.206.280.000	141.206.280.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		135.484.038.434	135.484.038.434
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		21.242.445.149	21.242.445.149
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		70.371.933.540	60.371.814.115
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		57.033.119.099	37.428.463.594
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		18.325.645.107	8.438.409.347
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		38.707.473.992	28.990.054.247
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		529.583.409.075	449.380.837.295

Người lập biểu



Nguyễn Hữu Hoàng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng



Phạm Công Quyền

Tổng Giám đốc



Lê Tấn Thương

BAN
 VĂN
 TOÁN
 AN
 P
 CHỈ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.471.396.919.264	4.208.484.685.099
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.471.396.919.264	4.208.484.685.099
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.186.512.660.834	3.913.345.850.583
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		284.884.258.430	295.138.834.516
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.196.280.116	7.038.058.162
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(1.607.334.459)	446.347.626
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	573.477.778
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	135.617.510.863	147.908.844.336
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	16.441.200.846	26.448.135.714
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		136.629.161.296	127.373.565.002
11. Thu nhập khác	31	VI.6	205.666.068	465.443.254
12. Chi phí khác	32	VI.7	16.289.321	24.262.606
13. Lợi nhuận khác	40		189.376.747	441.180.648
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		136.818.538.043	127.814.745.650
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	27.092.327.573	27.813.551.403
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		109.726.210.470	100.001.194.247
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	7.119	6.409

Người lập biểu



Nguyễn Hữu Hoàng

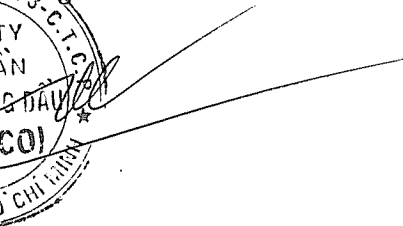
Kế toán trưởng



Phạm Công Quyền



Đông Giám đốc



Lê Tấn Thương

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		136.818.538.043	127.814.745.650
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		7.382.037.298	7.219.189.987
- Các khoản dự phòng	03		4.684.351.442	8.469.166.248
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.395.959.135)	(2.305.805.499)
- Chi phí lãi vay	06		-	573.477.778
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		146.488.967.648	141.770.774.164
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(30.209.289.089)	9.467.512.210
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(97.213.009.267)	(633.234.699)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.342.489.112)	12.020.522.106
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		699.980.857	502.770.551
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	687.750.000
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(573.477.778)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(24.105.944.136)	(25.463.820.230)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9.748.813.461)	(5.852.880.690)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(15.430.596.560)	131.925.915.634
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.778.570.366)	(7.978.204.606)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		875.585.276	782.434.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.196.280.116	2.268.408.162
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.706.704.974)	(4.927.362.444)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		42.500.000.000	428.900.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(428.900.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(70.213.024.000)	(87.547.805.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(27.713.024.000)	(87.547.805.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(50.850.325.534)	39.450.747.590
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		77.339.052.158	37.888.304.568
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	26.488.726.624	77.339.052.158

Người lập biểu



Nguyễn Hữu Hoàng

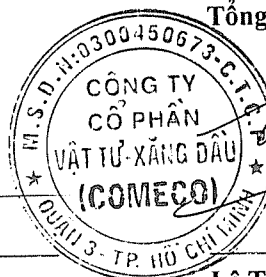
TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng



Phạm Công Quyền

Tổng Giám đốc



Lê Tấn Thương

0305
TRÁCH
DỊCH
CÁI CI
VÀ
VI-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 94/2000/QĐ-TTG ngày 09/08/2000 của Thủ Tướng Chính Phủ. Giấy đăng ký kinh doanh số 4103000236 ngày 13/12/2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300450673 thay đổi lần thứ 18 ngày 25/03/2015.

Trụ sở chính của Công ty tại số 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty là: Xuất nhập khẩu: Xăng, dầu, nhớt, mỡ, gas. Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ. Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhờn, mỡ bôi trơn và các sản phẩm nhiên liệu khác. Môi giới bất động sản, kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi. Dịch vụ cung ứng tàu biển, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Bán lẻ phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mua bán thiết bị, dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổ áp, máy phát, dây điện, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, aptômat), vật liệu xây dựng, thiết bị máy ngành công nghiệp – khai khoáng – lâm nghiệp và xây dựng, thiết bị vệ sinh. Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh. Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. Bán buôn phân bón, hóa chất. Đại lý mua bán hàng hóa, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán), dịch vụ đại lý bưu chính viễn thông (trừ đại lý truy cập internet). Vận chuyển nhiên liệu, nhớt, mỡ bằng ô tô. Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở). Quảng cáo thương mại. Cho thuê văn phòng. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Vận tải hành khách đường thủy nội địa. Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự (không hoạt động tại trụ sở). Xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, tư vấn xây dựng. Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống). Sửa chữa, tân trang phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, dịch vụ rửa xe. Bán mô tô, xe gắn máy. Mua bán vải, hàng may mặc, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động, giày dép. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da, giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Kinh doanh bãi đỗ xe. Trồng lúa. Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác. Trồng thuốc lá, thuốc lào. Trồng cây lấy sợi. Trồng cây có hạt chứa dầu. Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Trồng cây ăn quả. Trồng cây lấy củ có chất bột. Trồng cây mía. Trồng cây hàng năm khác. Trồng cây lấy quả chứa dầu. Trồng cây điều. Trồng cây hồ tiêu. Trồng cây lâu năm khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính; Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh. Mức trích dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
- Phương tiện vận tải	05 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 10 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả được ghi nhận và theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối Kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

0305
TRÁC
DỊCH
GAI C
VÀ
V7-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

15. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

16. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

138
ÔNG
HIỆM
VỤ T
NH B
IỂM
M VI
P. H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Tiền mặt	15.394.145	51.918.076
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.875.559.738	73.612.158.218
Tiền đang chuyển	11.597.772.741	3.674.975.864
Cộng	<u>26.488.726.624</u>	<u>77.339.052.158</u>

TC
ƯU
VẤN
TOÁN
ÁN
CHI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

	31/12/2016		01/01/2016	
	Tỷ lệ % vốn năm giữ	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ % vốn năm giữ	Giá trị vốn góp
				Dự phòng
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		24.365.774.000	24.365.774.000	(10.618.570.155)
- Đầu tư vào công ty con		-	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		10.000.000.000	10.000.000.000	-
+ Công ty cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	20,00%	10.000.000.000	10.000.000.000	-
- Đầu tư vào công ty khác		14.365.774.000	14.365.774.000	(10.618.570.155)
+ Công ty CP CK ô tô Cần Thơ	9,01%	2.000.000.000	2.000.000.000	(1.356.215.005)
+ Công ty CP Vận Tải Việt Tín	14,93%	10.000.000.000	10.000.000.000	(8.369.456.889)
+ Công ty CP Vật tư Xăng dầu Petec		272.599.000	272.599.000	(269.900.000)
+ Tổng Công ty CP Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư PETEC		2.093.175.000	2.093.175.000	(622.998.261)

Ghi chú: Công ty đã lập dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác trên dựa trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2015 của các công ty được đầu tư. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của các công ty đầu tư trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	52.123.635.503	50.583.115.378
Công ty TNHH Điện tử Hyundai Việt Nam	38.878.946.000	38.878.946.000
Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	2.636.750.151	1.870.348.751
Các khoản phải thu khách hàng khác	10.607.939.352	9.833.820.627
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	52.123.635.503	50.583.115.378

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu khí Thành phố (SAIGON PETRO)	2.300.000	3.300.000
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	17.735.840.000	-
Trả trước người bán ngắn hạn khác	146.960.000	-
Cộng	17.885.100.000	3.300.000

5. Phải thu khác

	31/12/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn	1.538.098.370	602.192.100
Phải thu người lao động	1.462.378.370	435.196.000
Phải thu ngắn hạn khác	75.720.000	166.996.100
b) Dài hạn	590.000.000	590.000.000
Tiền đặt cọc thuê mặt bằng	590.000.000	590.000.000
Cộng	2.128.098.370	1.192.192.100

6. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Điện tử Hyundai Việt Nam (*)	38.878.946.000	(38.878.946.000)	38.878.946.000	(38.878.946.000)
Cộng	38.878.946.000	(38.878.946.000)	38.878.946.000	(38.878.946.000)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(*) Theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 150/HĐ-VX ngày 09/02/2012 giữa Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) và Công ty TNHH Điện tử Hyundai Việt Nam, thời hạn thanh toán tiền hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên bán (COMECO) phát hành hóa đơn giá trị gia tăng cho mỗi đợt giao hàng. Hợp đồng trên được đảm bảo thanh toán bằng thư bảo lãnh số 1102/12/BL-HDB013 ngày 11/02/2012 của Ngân hàng Phát triển Nhà TP.HCM (HD Bank) có giá trị bảo lãnh là 50 tỷ đồng. Sau khi thu được một phần tiền nợ là: 6.712.080.000 VNF và cần trừ nợ bằng hàng hóa với giá trị là: 4.381.982.000 VND, Công ty TNHH Điện tử Hyundai Việt Nam còn nợ 38.878.946.000 VND nhưng Công ty chưa được Ngân hàng HD Bank thanh toán thay như cam kết trong thư bảo lãnh. Hiện tại Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) đang tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật để thu hồi số nợ trên. Đến thời điểm 31/12/2016, Công ty đã trích lập 100% dự phòng phải thu khó đòi số nợ trên.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	136.502.836.363	-	41.728.863.638	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	434.996.400	-
Hàng hoá	31.595.898.018	-	28.721.865.076	-
Cộng	168.098.734.381	-	70.885.725.114	-

	31/12/2016	01/01/2016
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	168.098.734.381	70.885.725.114

8. Chi phí trả trước

	31/12/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn	55.677.794	651.116.152
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	55.677.794	621.116.152
Chi phí thuê mặt bằng	-	30.000.000
b) Dài hạn	868.469.674	973.012.173
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	523.333.022	595.012.173
Chi phí thuê mặt bằng	345.136.652	378.000.000
Cộng	924.147.468	1.624.128.325

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Nguyên giá</i>				
Số dư đầu năm	134.263.272.012	14.986.573.622	18.034.703.558	171.181.175.783
Số tăng trong năm	7.975.416.156	535.980.845	825.374.909	9.336.771.910
- Mua sắm mới	-	535.980.845	825.374.909	1.361.355.754
- Xây dựng mới	7.975.416.156	-	-	7.975.416.156
Số giảm trong năm	625.595.257	952.004.318	75.316.000	1.992.150.051
- Thanh lý, nhượng bán	625.595.257	952.004.318	75.316.000	1.992.150.051
Số dư cuối năm	141.613.092.911	14.570.550.149	18.520.843.991	178.525.797.642
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>				
Số dư đầu năm	27.929.285.406	11.853.781.987	15.098.079.356	57.249.093.738
Khấu hao trong năm	3.466.771.750	787.895.156	997.292.552	5.679.065.382
Giảm trong năm	283.603.242	618.090.076	339.234.476	1.316.243.794
- Thanh lý, nhượng bán	283.603.242	618.090.076	339.234.476	1.316.243.794
Số dư cuối năm	31.112.453.914	12.023.587.067	15.756.137.432	61.611.915.326
<i>Giá trị còn lại</i>				
Tại ngày đầu năm	106.333.986.606	3.132.791.635	2.936.624.202	113.932.082.045
Tại ngày cuối năm	110.500.638.997	2.546.963.082	2.764.706.559	116.913.882.316

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

31/12/2016 01/01/2016

- 21.971.510.456 21.800.290.212

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư đầu năm	87.280.316.751	924.528.583	88.204.845.334
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	87.280.316.751	924.528.583	88.204.845.334
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư đầu năm	7.037.179.034	211.505.959	7.248.684.993
Khấu hao trong năm	1.587.405.844	115.566.072	1.702.971.916
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	8.624.584.878	327.072.031	8.951.656.909
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày đầu năm	80.243.137.717	713.022.624	80.956.160.341
Tại ngày cuối năm	78.655.731.873	597.456.552	79.253.188.425

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016	01/01/2016
Dự án Tổng kho xăng dầu Nhơn Trạch – Đồng Nai	63.494.670.930	61.388.346.930
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	129.963.260	794.488.804
Cộng	63.624.634.190	62.182.835.734

12. Phải trả người bán

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	3.265.547.633	3.265.547.633	3.082.192.445	3.082.192.445
- Công ty CP Hóa dầu Mê Kông	1.393.168.000	1.393.168.000	1.948.858.000	1.948.858.000
- Công ty TNHH Total Việt Nam	-	-	881.968.615	881.968.615
- Công ty CP Thiết bị và Dầu nhờn Minh Giang	1.684.179.633	1.684.179.633	-	-
- Phải trả người bán khác	188.200.000	188.200.000	251.365.830	251.365.830
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	3.265.547.633	3.265.547.633	3.082.192.445	3.082.192.445

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
a) Phải nộp	17.991.411.095	60.236.101.151	67.741.091.473	10.486.420.773
Thuế giá trị gia tăng	11.104.046	25.152.102.164	25.163.206.210	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.599.384.722	27.092.327.573	24.105.944.136	8.585.768.159
Thuế thu nhập cá nhân	1.062.722.813	4.494.004.901	3.969.765.687	1.586.962.027
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	11.318.199.514	3.448.666.513	14.453.175.440	313.690.587
Thuế, phí khác	-	49.000.000	49.000.000	-
b) Phải thu	-	-	372.211.411	372.211.411
Thuế giá trị gia tăng đầu ra tạm nộp 2%	-	-	372.211.411	372.211.411

14. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn	210.165.900	-
Doanh thu chưa thực hiện dịch vụ cho thuê văn phòng	210.165.900	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	210.165.900	-

15. Phải trả khác

	31/12/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn	16.234.135.828	8.314.365.591
Kinh phí công đoàn	43.598.348	47.107.448
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	839.709.501	642.117.328
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.917.094.868	6.527.751.647
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	395.017.000	4.901.000
Tiền thuê mặt bằng của các cửa hàng	1.713.959.410	349.571.133
Phải trả khác	324.756.701	742.917.035
b) Dài hạn	1.352.425.005	1.352.425.005
Nhận đặt cọc thuê văn phòng của Ngân hàng TMCP Sacombank	1.352.425.005	1.352.425.005
Cộng	17.586.560.833	9.666.790.596

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2016	Trong năm		31/12/2016
		Tăng	Giảm	
a) Vay ngắn hạn	-	42.500.000.000	-	42.500.000.000
Ngân hàng TNHH ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh TP. HCM (*)	-	42.500.000.000		42.500.000.000
b) Vay dài hạn	-	-	-	-
Cộng	-	42.500.000.000	-	42.500.000.000

(*) Vay Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam CN TP. Hồ Chí Minh theo Đơn yêu cầu tài trợ thương mại ngày 30/12/2016 với thời hạn vay là 14 ngày kể từ ngày nhận nợ vay, lãi suất vay là 5,44%/năm.

17. Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường (*)	6.294.304.446	-
Cộng	6.294.304.446	-

(*) Trong năm 2016, Công ty trích dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường là 5% lợi nhuận trước thuế kinh doanh xăng dầu theo hướng dẫn tại thông tư số 86/2016/TT-BTC ngày 20/06/2016.

330E
TRÁCI
DỊCH
TÀI C
VÀ
17.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	141.206.280.000	135.484.038.434	21.242.445.149	54.069.113.092	36.675.864.652	388.677.741.327
Lãi trong năm trước			-		100.001.194.247	100.001.194.247
Phân phối lợi nhuận năm 2014				6.302.701.023	(10.504.501.705)	(4.201.800.682)
Chia cổ tức đợt 2,3 năm 2014 và năm 2015					(87.547.893.600)	(87.547.893.600)
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát					(408.000.000)	(408.000.000)
Trích thưởng HĐQT Ban điều hành					(400.000.000)	(400.000.000)
Giảm khác					(388.200.000)	(388.200.000)
Số dư cuối năm trước	141.206.280.000	135.484.038.434	21.242.445.149	60.371.814.115	37.428.463.594	395.733.041.292
Số dư đầu năm nay	141.206.280.000	135.484.038.434	21.242.445.149	60.371.814.115	37.428.463.594	395.733.041.292
Lãi trong năm					109.726.210.470	109.726.210.470
Phân phối lợi nhuận năm 2015				10.000.119.425	(18.000.214.965)	(8.000.095.540)
Chia cổ tức năm 2016					(70.603.140.000)	(70.603.140.000)
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát					(418.200.000)	(418.200.000)
Trích thưởng HĐQT Ban điều hành					(1.100.000.000)	(1.100.000.000)
Số dư cuối năm nay	141.206.280.000	135.484.038.434	21.242.445.149	70.371.933.540	57.033.119.099	425.337.816.222